

Bản án số: 09/2024/DS-ST.

Ngày: 13/8/2024.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN-TỈNH HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Quang Khuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vương Quốc Quý, bà Nguyễn Thị Khánh.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký viên
- *Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST-DS ngày 18/3/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Đình N, sinh năm 1969 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1972. Ông Nguyễn ủy q cho bà H tham gia tố tụng.
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.
- *Bị đơn:* Anh Tạ Quang Q, sinh năm 1977 và chị Trần Thị X, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Tạ Trần Diệu M, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương;

2. Anh Vũ Đình D, sinh năm 1992. Anh Dũng uỷ quyền cho bà H tham gia tố tụng;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N, anh Q, chị X, cháu M, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Vũ Đình N, bà Vũ Thị H trình bày:* Ông Vũ Đình N, bà Vũ Thị H và anh Tạ Quang Q, chị Trần Thị X không có quan hệ họ hàng là người cùng quê chơi với nhau. Từ

ngày 30/12/2021 đến ngày 22/4/2022, ông N, bà H đã 04 lần cho anh Q, chị X vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 30/12/2021, ông N, bà H cho vợ chồng anh Q, chị X vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 13 tháng, hạn trả ngày 30/01/2023, hình thức đưa tiền mặt, phương thức 03 tháng trả lãi 1 lần, lãi suất 0,65%/tháng, mục đích vay để làm ăn; có viết giấy vay nợ, người viết giấy là anh Q, khi viết giấy không có người làm chứng, vợ chồng anh Q, chị X đều ký vào giấy vay nợ, bà H là người giao tiền, vợ chồng anh Q nhận tiền, đã trả được một lần lãi 03 tháng là 2.925.000 đồng.

Ngày 01/3/2022, ông N, bà H cho vợ chồng anh Q, chị X vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư làm hàng nhựa. Bà H đưa tiền mặt cho anh Q nhận 280.000.000 đồng, còn 170.000.000 đồng thì chuyển khoản vào tài khoản của chị X, do trong tài khoản của bà H không đủ, bà H đã chuyển khoản vào tài khoản của chị X theo số TK 2305205171259 Ngân hàng N1, Chi nhánh huyện T, Hải Dương từ tài khoản của bà Vũ Thị H số TK 104870700241 tại Ngân hàng V Chi nhánh H2, phòng giao dịch huyện T 165.000.000 đồng và đưa 5.000.000 đồng tiền mặt cho chị X, tổng 170.000.000 đồng. Tổng cộng tiền mặt và chuyển khoản là 450.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 0,65%/tháng. Anh Q là người viết giấy vay nợ, anh Q, chị X đều ký vào giấy vay nợ, thời hạn vay 01 năm, đến ngày 01/3/2023, phương thức trả lãi 03 tháng một lần, chưa trả lãi được lần nào, khi viết giấy vay nợ và giao tiền không có người làm chứng.

Ngày 14/4/2022, ông N, bà H cho vợ chồng anh Q, chị X vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay để mua đất tại xã N, huyện T, thời hạn vay 01 tháng, không viết giấy biên nhận nợ, số tiền này chuyển tiền bằng hình thức chuyển khoản. Lúc đó con trai ông bà là anh Vũ Đình D vay vốn của Ngân hàng V, Chi nhánh B1, bà H bảo anh D cho bà H vay để bà H cho anh Q, chị X vay 01 tháng, sau khi anh Q, chị X trả thì anh D sử dụng, anh D đồng ý, lúc đầu anh Q, chị X bảo bà chuyển vào tài khoản của cháu Tạ Trần Diệu M là con gái của anh Q, chị X, nhưng sau đó để thuận cho việc sử dụng, anh Q, chị X bảo bà H chuyển sang tài khoản của của chị Trần Thị X nên bà H bảo anh D thông báo với ngân hàng V1 Chi nhánh B1 chuyển khoản vào tài khoản 2305205171259 của chị Trần Thị X thuộc Ngân hàng N2, Chi nhánh T, Hải Dương. Ngân hàng V2, Chi nhánh B1 đã chuyển khoản thành công số tiền 500 triệu đồng cho chị X, sau đó bà H đã gửi tin nhắn và biên lai gửi tiền lệ phí cho anh Q, anh Q có nhắn tin xác nhận đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 0,65%/tháng, khoản vay này chưa trả lãi lần nào.

Trước ngày 22/4/2022, vợ chồng anh Q, chị X đã đến nói chuyện với ông bà hỏi vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) với lý do vì “*Giờ anh chị mà không giúp vợ chồng em thì chúng em sẽ bị mất tiền đặt cọc mua đất hay mua nhà gì đấy ở trên Hà Nội*”, anh Q trình bày là chỉ vay trong vòng 15 ngày thì trả vì tình cảm anh chị em chơi với nhau nên ông, bà tạo điều kiện cho anh Q, chị X vay. Bà H đã chuyển khoản từ tài khoản của bà H số tài khoản 104870700241 là Vũ Thị H tại Ngân hàng V- Chi nhánh H2, phòng G 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) cho con gái anh Q, chị X là cháu Tạ Trần Diệu M theo số tài khoản 8007041134559 Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B2, số tiền còn lại 700.000.000 (Bảy trăm triệu

đồng) bà đã giao tiền mặt cho chị X vào ngày 22/4/2022, bà H đã gửi tin nhắn xác nhận số tiền chuyển khoản cho cháu M và giao tiền mặt cho chị X, anh Q. Chị X viết giấy khoản nợ 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), lãi suất 0,8%/tháng, lãi chưa trả lần nào, anh Q đã viết giấy diễn giải và xác nhận tổng các khoản nợ là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng). Các lần vay hai bên rất vui vẻ, hoà thuận không có mâu thuẫn gì.

Ngày 26/4/2022, anh Q thông báo cho vợ chồng bà là chị Trần Thị X đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, anh Q đã viết lại giấy xác nhận nợ từng khoản vay và nói sẽ thu xếp trả sau để cho vợ chồng bà an tâm, bà có ghi lại Video hình ảnh anh Q viết giấy xác nhận nợ. Tính đến nay anh Q, chị X chưa thanh toán được số tiền nợ gốc cho vợ chồng bà, anh Q, chị X mới trả được một lần lãi là 2.925.000 đồng, vợ chồng ông bà thường xuyên điện thoại trao đổi với anh Q để yêu cầu anh Q trả số nợ trên (chị X không liên lạc được) thì anh Q đã nhiều lần khất nợ đến nay vẫn chưa trả nợ được cho ông bà. Tổng số nợ lãi anh Q chị X còn nợ ông N, bà H từ ngày vay đến ngày thụ lý 18/3/2024 đối với 04 khoản vay là: Nợ gốc là **2.100.000.000** đồng. Nợ lãi 355.642.500 đồng. Anh Q, chị X đã trả lãi 2.925.000 đồng đối với khoản vay 150.000.000 đồng nên số nợ lãi còn lại là: 352.717.500 đồng. Bà H, ông Nguyễn l tròn là **352.000.000** đồng (ba trăm năm mươi hai triệu đồng).

Tổng số tiền nợ gốc và lãi anh Q, chị X phải thanh toán cho ông N, bà H tính đến ngày 18/3/2024 là **2.452.000.000 đồng**.

Ông Vũ Đình N, bà Vũ Thị H đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc anh Tạ Quang Q, chị Trần Thị X phải thanh toán trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc và tiền lãi theo như thỏa thuận trong các giấy biên nhận, tính đến ngày 18/3/2024 là **2.452.000.000** đồng (hai tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu đồng).

Bà H, ông Nguyễn c yêu cầu vợ chồng anh Q, chị X trả lãi đến ngày 18/3/2024 còn từ ngày 19/3/2024 đến ngày xét xử xong, sau ngày xét xử và giai đoạn thi hành án, bà H, ông Nguyễn k yêu cầu anh Q, chị X trả lãi, bà H, ông N, tự nguyện cho anh Q, chị X.

Bị đơn anh Tạ Quang Q, chị Trần Thị X, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Tạ Trần Diệu M vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng, đồng thời niêm yết và thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Q, chị X, cháu M đều vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết, không khai báo, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của phía bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Q, chị X, cháu M đều vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập họp lệ hai lần đến phiên tòa nhưng anh Q, chị X, cháu M đều không có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đình D trình bày: Anh là con trai của ông Vũ Đình N và bà Vũ Thị H là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Mẹ anh có vay tiền để cho vợ chồng anh Tạ Quang Q và chị Trần Thị X vay tiền như sau: Ngày 01/4/2022 anh ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh B1. Ngày 14/4/2022 anh thực hiện giải

ngân số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Mẹ anh có bảo anh cho mượn 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) để mẹ cho vợ chồng chị X, anh Q vay, thời hạn vay 01 tháng để chị X, anh Q cần tiền để mua đất ở N. Lúc đầu bà H bảo anh chuyển vào tài khoản của em Trần Thị Diệu M1 là con gái của chị X, anh Q, nhưng sau đó chị X bảo bà H chuyển vào tài khoản của chị X, mẹ anh bảo anh chuyển tiền vào tài khoản của chị X, do vậy anh đã thông báo với Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh B1 chuyển vào tài khoản của chị X số 2305205171259- Ngân hàng N2 chi nhánh T, Hải Dương số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh B1 đã có bảng kê chi tiết theo giấy nhận nợ và chứng từ thu phí đi kèm với tài khoản của anh D là 104870458545 Ngân hàng Thương mại cổ phần C- Chi nhánh B1.

Lời khai của ông Tạ Quang B trình bày: Ông là anh ruột của ông Tạ Quang Q, bà Trần Thị X là em dâu. Ông Q, bà X vắng mặt tại địa phương đã lâu, gia đình không có tin tức gì về ông Q, bà X. Cháu Tạ Trần Diệu M đã lâu không về gia đình, hiện nay ông không biết cháu M đang làm gì, ở đâu, cháu M cũng không liên lạc gì với gia đình ông, ông không có số điện thoại của ông Q, bà X, cháu M nên không cung cấp cho Tòa án được. Việc ông Q, bà X vay nợ của ông Vũ Đình N, bà Vũ Thị H như thế nào ông không nắm được, không biết số tiền vay là bao nhiêu, cụ thể như thế nào, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký là đúng theo Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; bị đơn, anh Q, chị X, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cháu M chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 37 Luật HNGĐ; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình N và bà Vũ Thị H, buộc anh Tạ Quang Q và chị Trần Thị X phải liên đới trả cho ông N, bà H số tiền nợ gốc là 2.100.000.000 đồng và nợ lãi là 352.000.000 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là **2.452.000.000** đồng (hai tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu đồng).

Về chi phí tố tụng khác: Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết và Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nguyên đơn bà H đã nộp đủ và tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định và số tiền Thông báo trên thông tin đại chúng nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Tạ Quang Q, chị Trần Thị X phải chịu khoản tiền án phí là 81.040.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Vũ Đình N, bà Vũ Thị H số tiền 18.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 0001631, ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục dân sự Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thể hiện bằng 02 giấy vay nợ, 01 giấy nhận nợ và 01 giấy diễn giải. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn có nơi cư trú tại thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ anh Q, chị X, cháu M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q, chị X, cháu M không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định, anh Q, chị X, cháu M vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Vũ Đình N, bà Vũ Thị H xuất trình giấy vay nợ, giấy nhận nợ, giấy diễn giải có nội dung: Ngày 30/12/2021 vay 150 triệu đồng, ngày 01/3/2022 vay 450 triệu đồng và ngày 26/4/2022 có ghi nội dung chú Q vay của bác Nguyễn Thị H1 tổng số tiền 3 đợt là 2.100.000.000 đồng. Ông N, bà H1 đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh Q, chị X không trả, ngày 08/3/2024 ông N, bà H1 đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án là đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về xác định tính hợp pháp của hợp đồng: Ông Vũ Đình N, bà Vũ Thị H cho vợ chồng anh Tạ Quang Q, chị Trần Thị X vay số tiền 2.100.000.000 đồng chia làm 04 lần được thể hiện 02 giấy vay nợ, 01 giấy nhận nợ, 01 giấy diễn giải nợ do anh Q viết, người vay ký X, Trần Thị X và Q, Tạ Quang Q, 01 USB trích xuất camera, tin nhắn giữa anh Q, chị X và bà H. Khoản vay ngày 01/3/2022 là 450.000.000 đồng trong đó anh Q, chị X nhận tiền mặt 285.000.000 đồng, chuyển khoản 165.000.000 đồng vào tài khoản của chị X. Khoản vay ngày 14/4/2022 là 500.000.000 đồng đã chuyển khoản vào tài khoản của chị X. Khoản vay ngày 22/4/2022 là 1.000.000.000 đồng trong đó chị X nhận tiền mặt 700.000.000 đồng, chuyển khoản vào tài khoản của cháu M là 300.000.000 đồng, tất cả các lần chuyển khoản trên anh Q, chị X đều xác định qua tin nhắn đã nhận được khoản tiền chuyển khoản nêu trên và viết giấy nhận nợ. Việc xác lập và thực hiện hợp đồng trên là tự nguyện, được xác lập giữa các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật và điều cấm của xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp lý, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ

của các bên tham gia giao kết. Trong hợp đồng vay các bên xác định rõ số tiền vay, lãi suất tương ứng, thời hạn trả nợ nên có đủ căn cứ xác định giao dịch dân sự giữa các bên đã xác lập là hợp đồng vay tài sản có lãi suất theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Tạ Quang Q và chị Trần Thị X có vay và nợ của ông Vũ Đình N, bà Vũ Thị H số tiền nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[3.2] *Đối với số tiền gốc:* Nguyên đơn xác định hiện nay bị đơn còn nợ số tiền nợ gốc là 2.100.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, do anh Q, chị X không hợp tác. Ngày 03/7/2024, bà Vũ Thị H đã có đơn đề nghị giám định viết, chữ ký, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong giấy vay nợ, giấy nhận nợ và các mẫu chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do UBND xã T, huyện T cung cấp và trong giấy cam kết do Quỹ tín dụng xã T, huyện T cung cấp, thấy rằng: Tại bản Kết luận giám định số 2037/KL-KTHS ngày 20/7/2024 của Phòng K Công an thành phố H đã kết luận:

1. *"Chữ ký, chữ viết mang tên Tạ Quang Q, dưới mục "Người vay" "Ngày 01/3/2022" trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1 và dưới dòng chữ viết có nội dung "Hai tỷ một trăm triệu đồng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết mang tên Tạ Quang Q trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra.*

2. *"Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị X, dưới mục "Người vay" "Ngày 01/3/2022" trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1 và dưới dòng chữ viết có nội dung "Thời hạn vay là 15 ngày" trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị X trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra.*

Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Tạ Quang Q, chị Trần Thị X có vay và nợ ông Vũ Đình N, bà Vũ Thị H số tiền nợ gốc là 2.100.000.000 đồng theo như giấy nhận nợ nên cần ghi nhận đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[3.3] *Đối với số tiền lãi:* Trong các hợp đồng vay, nguyên đơn và bị đơn xác định đã trả lãi được một lần của khoản vay 150 triệu đồng là 2.925.000 đồng, còn lại chưa trả lãi. Nguyên đơn xác định do bị đơn thực hiện không đúng như cam kết, đã vi phạm cam kết nên ông N, bà H đề nghị bị đơn thanh toán lãi như hai bên đã thỏa thuận theo hợp đồng vay là 0,65%/tháng cho khoản vay 150 triệu đồng, khoản vay 450 triệu đồng, khoản vay 500 triệu đồng, lãi suất 0,8%/tháng của khoản vay 1.000.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận. Số tiền lãi theo hai bên thỏa thuận/tháng được tính lãi đối với các khoản nợ từ ngày cho vay đến ngày thụ lý 18/3/2024 được tính như sau:

- Khoản nợ 150.000.000 đồng: Từ ngày 30/12/2021 đến ngày 18/3/2024 là 26 tháng 18 ngày, do đó số lãi là: $26 \times 0,65\% \times 150.000.000 \text{ đ} + 18 \times 0,65\% \div 30 \times 150.000.000 = 25.935.000 \text{ đồng}$.

- Khoản nợ 450.000.000 đồng: Từ ngày 1/3/2022 đến 18/3/2024 là 24 tháng 17 ngày, do đó số lãi là: $24 \times 0,65\% \times 450.000.000 \text{ đ} + 17 \times 0,65\% \div 30 \times 450.000.000 = 71.857.500 \text{ đồng}$.

- Khoản nợ 500.000.000 đồng: Từ ngày 14/4/2022 đến ngày 18/3/2024 là 23 tháng 04 ngày, do đó số lãi là: $23 \times 0,65\% \times 500.000.000 \text{ đ} + 4 \times 0,65\% \div 30 \times 500.000.000 = 75.183.333 \text{ đồng}$.

- Khoản nợ 1 tỷ: Từ ngày 22/4/2022 đến 18/3/2024 là 22 tháng 25 ngày, do đó số lãi là: $22 \times 0,8\% \times 1.000.000.000 \text{ đ} + 25 \times 0,8\% \div 100 \div 30 \times 1.000.000.000 = 182.666.667 \text{ đồng}$.

Tổng nợ lãi đối với 04 khoản vay là: 355.642.500 đồng. Anh Q, chị X đã trả lãi được 1 lần là 2.925.000 đồng đối với khoản vay 150 triệu nên số nợ lãi còn lại: $355.642.500 \text{ đ} - 2.925.000 \text{ đ} = 352.717.500 \text{ đồng}$ (bà H lấy tròn **352.000.000 đồng**). Anh Q, chị X phải thanh toán cho ông N, bà H số tiền lãi đến ngày 18/3/2024 là **352.000.000 đồng**.

Ông Vũ Đình N, bà Vũ Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết: Buộc anh Q, chị X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông bà số tiền 2.100.000.000đ (nợ gốc)+ 352.000.000đ (nợ lãi), tổng **2.452.000.000 đồng** (Hai tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu đồng). Bà H, ông Nguyễn c yêu cầu vợ chồng anh Q, chị X trả lãi đến ngày 18/3/2024, từ ngày 19/3/2024 đến ngày xét xử xong và sau ngày xét xử bà H, ông Nguyễn k yêu cầu về lãi, tự nguyện cho anh Q, chị X. Ngoài ra ông N, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nào khác.

[4]. Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện có công văn gửi Ngân hàng Thương Mại cổ phần B2, Chi nhánh tại Hưng Yên, Ngân hàng Thương Mại cổ phần C, Chi nhánh B1, Ngân hàng Thương Mại cổ phần C, Chi nhánh H2, các Ngân hàng đã cung cấp thông tin về việc chuyển tiền qua tài khoản như nguyên đơn đã trình bày ở trên.

[5]. Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đã có công văn gửi Cục Q1 - Bộ C1 và Phòng C1, Công an tỉnh H. Cục Q1 Bộ C1, Công an tỉnh H có công văn trao đổi xác định: Qua kiểm tra, tra cứu Quản lý xuất nhập cảnh, không có thông tin xuất nhập cảnh của trường hợp anh Tạ Quang Q, chị Trần Thị X và cháu Tạ Trần Diệu M.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Đối với số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.080.000 đồng và số tiền thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng 6.985000 đồng. Nguyên đơn bà Vũ Thị H đã nộp đủ và tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định và số tiền thông báo trên thông tin đại chúng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định là **81.040.000 đồng**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 235, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357, Điều 463, 466, 470, 280 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đình N và bà Vũ Thị H. Buộc anh Tạ Quang Q và chị Trần Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vũ Đình N, bà Vũ Thị Hà t tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương khoản tiền vay nợ gồm:

Số tiền: 2.100.000.000 đồng (nợ gốc) + 352.000.000 đồng (nợ lãi).

Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là **2.452.000.000 đồng** (Hai tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc anh Tạ Quang Q, chị Trần Thị X phải liên đới chịu **81.040.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Vũ Đình N, bà Vũ Thị H số tiền 18.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 0001631, ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục dân sự Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Quang Khuyến

